

Số: **1145** /QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày **31** tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện xây dựng huyện Cầu Kè và
huyện Tiểu Cần đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Tỉnh ủy về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án xây dựng tỉnh Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước năm 2025;

Căn cứ Quyết định 1039/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025;

Thực hiện kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 1633-TB/VPTU ngày 10 tháng 3 năm 2023 và ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy tại

Thông báo số 1907-TB/VPTU ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Văn phòng Tỉnh ủy;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 333/TTr-SNN ngày 07 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện xây dựng huyện Cầu Kè và huyện Tiểu Cần đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- BTT. UBND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- TVBCĐ các CTMTQG và Phong trào TĐĐKXDĐSVH tỉnh TV gđ 2021 - 2025;
- VPĐP NTM tỉnh;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Báo TV, Đài PT&TH TV;
- Các phòng CM;
- Lưu: VT, NN *May 03*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Hoàng



KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện xây dựng huyện Cầu Kè và huyện Tiểu Cần đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao

(Kèm theo Quyết định số: **1145/QĐ-UBND** ngày **31** tháng 7 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Tỉnh ủy về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025; Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án xây dựng tỉnh Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước năm 2025.

2. Xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Là cuộc vận động rộng rãi, thu hút các nguồn lực trong toàn xã hội cùng tham gia, trong đó cấp ủy đảng và chính quyền cơ sở đóng vai trò lãnh đạo, điều hành. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể có nhiệm vụ tuyên truyền, vận động. Người dân vừa là chủ thể thực hiện vừa là đối tượng được thụ hưởng, đảm bảo thực sự nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp thịnh vượng, nông dân giàu có, nông thôn văn minh và phải tiến hành đồng loạt ở tất cả các xã trong tỉnh; thực hiện đồng bộ tất cả các tiêu chí trên cơ sở kế thừa, lồng ghép với các chương trình, dự án và các cuộc vận động, các phong trào quần chúng đang được triển khai ở nông thôn, nhất là cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở cơ sở, phong trào vận động nhân dân đóng góp xây dựng hạ tầng nông thôn,...

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, chú trọng xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu từ tỉnh đến cơ sở một cách đồng bộ, gắn với thực hiện có hiệu quả tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, quá trình đô thị hoá, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, thúc đẩy bình đẳng giới. Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại, bảo đảm môi trường, cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hoá truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

b) Nâng cao toàn diện chất lượng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Cầu Kè và huyện Tiểu Cần. Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới các cấp trên cơ sở những tiêu chí đã đạt được nhằm tập trung phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân trên địa bàn.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Năm 2023: Huyện Cầu Kè đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

b) Năm 2024: Huyện Tiểu Cần đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong công tác xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo, Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới các cấp; thành lập Tổ giúp việc để giúp Ban Chỉ đạo huyện trong việc chỉ đạo thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và hoàn thiện hồ sơ chứng minh các tiêu chí đảm bảo theo quy định, chất lượng.

2. Công tác tuyên truyền, vận động, bồi dưỡng, tập huấn

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác xây dựng nông thôn mới, nhất là tuyên truyền để người dân nhận thức được vai trò chủ thể chính của mình trong thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, từ đó nâng cao ý thức tự giác, tự chủ, khơi dậy, phát huy tính năng động sáng tạo và sự tham gia của cộng đồng trong thực hiện xây dựng nông thôn mới.

b) Tiếp tục thực hiện Phong trào thi đua "*Trà Vinh cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*" giai đoạn 2021 - 2025; cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*" và các phong trào thi đua của các ngành, tổ chức đoàn thể, địa phương đi vào chiều sâu; nhân rộng các phong trào, mô hình đã đem lại hiệu quả, nhất là phong trào hiến đất, đóng góp tiền, vật tư, ngày công lao động xây dựng các công trình công cộng; kịp thời tôn

vinh các tập thể, cá nhân tiêu biểu có nhiều đóng góp trong xây dựng nông thôn mới.

c) Thường xuyên đưa tin, bài về xây dựng nông thôn mới, đưa tin về những cách làm hay, mô hình điển hình tiên tiến trong xây dựng nông thôn mới tại các địa phương để tạo sức lan tỏa và góp phần nhân rộng mô hình.

d) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực tham mưu, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện ở cơ sở đối với cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới; tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm về cách làm hay, sáng tạo trên lĩnh vực nông thôn mới để vận dụng vào thực tế ở địa phương.

3. Đầu tư xây dựng hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới

a) Đối với các xã chưa đạt 19/19 tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025

Tiếp tục rà soát xác định các nội dung công việc cần thực hiện để đạt các tiêu chí theo lộ trình, từ đó xây dựng kế hoạch cụ thể (nội dung công việc, thời gian, phân công chủ thể thực hiện, kinh phí,...) để thực hiện hoàn thành các tiêu chí chưa đạt; đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các nội dung, hạng mục công trình theo lộ trình, kế hoạch đã đề ra để đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao. Các địa phương phải xác định công việc cụ thể, phân công cụ thể cho từng ngành, bộ phận phụ trách và bố trí nguồn lực đảm bảo thực hiện đạt yêu cầu đề ra. Đồng thời, tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025.

b) Đối với xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao

- Tiêu chí số 1 (*Quy hoạch*): Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xây dựng vùng huyện để đảm bảo đạt theo yêu cầu của tiêu chí quy hoạch huyện nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai quy hoạch sản xuất nông nghiệp, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết theo quy hoạch vùng huyện để phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, đáp ứng yêu cầu của huyện nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao.

- Tiêu chí số 2 (*Giao thông*): Tập trung xây dựng, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường huyện, cần đảm bảo 100% km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng để xe ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối với trung tâm hành chính các xã; đầu tư cải tạo, chỉnh trang lại để tiếp tục duy trì hoạt động Bến xe khách hiện hữu để phục vụ nhu cầu đi lại của người dân. Giai đoạn sau năm 2025, khi nhu cầu đi lại của người dân bằng phương tiện công cộng tuyến cố định thông qua Bến xe khách tăng cao thì ưu tiên bố trí nguồn vốn để đầu tư xây dựng Bến xe khách tại trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn loại III; hình thành tuyến vận tải khách công cộng theo quy hoạch đáp ứng nhu cầu phục vụ hành khách, vận chuyển hàng hóa, đảm bảo an toàn giao thông.

- Tiêu chí số 3 (*Thủy lợi*): Xây dựng hệ thống thủy lợi liên xã phù hợp với quy hoạch thủy lợi, đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã. Tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động hiệu quả bền vững.

- Tiêu chí số 4 (*Điện*): Chỉ đạo ngành Điện để đầu tư xây dựng nâng cấp các công trình, hệ thống điện trung thế liên xã trên địa bàn 02 huyện theo quy hoạch, đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật, đạt chuẩn theo quy định, cung cấp điện an toàn, đảm bảo cho nhu cầu sử dụng điện, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Tiêu chí số 5 (*Y tế - Văn hoá - Giáo dục*):

+ Phối hợp với Sở Y tế đầu tư xây dựng và giữ vững Trung tâm Y tế huyện đạt hạng 3. Tăng cường chỉ đạo các giải pháp phòng, chống dịch bệnh ở người và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân. Tuyên truyền nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.

+ Tập trung xây dựng Trung tâm Văn hoá - Thông tin - Thể thao đạt chuẩn theo quy định; huyện Tiểu Cần tập trung nguồn lực cải tạo sân vận động Phú Cần đạt chuẩn theo quy định; nâng cấp, cải tạo rạp hát Tiểu Cần thành hội trường Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện với quy mô 400 chỗ ngồi;

+ Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh chỉ đạo các trường THPT tiếp tục giữ vững trường đạt chuẩn Quốc gia; đồng thời, đầu tư xây dựng và nâng cao chất lượng dạy học để đưa trường Trung học phổ thông chưa đạt chuẩn quốc gia, phần đầu năm 2023 huyện Cầu Kè có 100% số trường Trung học phổ thông trên địa bàn huyện đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 (*trong đó có 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2*); năm 2024 huyện Tiểu Cần có 100% số trường Trung học phổ thông trên địa bàn huyện đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 (*trong đó có 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2*) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời, nâng cấp Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Cầu Kè đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

- Tiêu chí số 6 (*Kinh tế*): Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp An Phú Tân, huyện Cầu Kè, cụm công nghiệp Phú Cần, huyện Tiểu Cần đạt theo quy định. Nâng cấp và mở rộng chợ trung tâm các huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.

- Tiêu chí số 7 (*Môi trường*): Xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn 02 huyện đảm bảo đạt 50% theo quy định, trong đó mỗi huyện có ít nhất 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất tối thiểu 200 m³/ngày đêm áp dụng các biện pháp phù hợp; đầu tư, cải tạo, nâng cấp đồng bộ hệ thống thu gom, thoát nước và các công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung và tại chỗ phù hợp. Đồng thời, đầu tư xây dựng các công trình, biện pháp, hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường để thu gom, phân loại, lưu giữ, tái chế, thu hồi hoặc xử lý đúng quy định và thực hiện đúng các nội dung về bảo vệ môi trường đã cam kết trong hồ sơ môi trường; hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ

môi trường, tổ chức mạng lưới thu gom chất thải rắn sinh hoạt triệt để và hiệu quả.

- Tiêu chí số 8 (*Chất lượng môi trường sống*): Triển khai thực hiện và xây dựng mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về bảo vệ môi trường; xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải (khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề, khu chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản tập trung) và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; xây dựng cảnh quan, không gian sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn tối thiểu 70% tuyến đường (*hoặc số km*) xã, liên xã, liên ấp được lắp đặt hệ thống chiếu sáng. Huyện Tiểu Cần phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng mô hình trồng dưa lưới trong nhà kính với diện tích 0,45 ha, áp dụng hệ thống tưới tự động theo hướng tuần hoàn đảm bảo có mô hình xã, ấp thông minh theo quy định.

- Tiêu chí số 9 (*An ninh, trật tự - Hành chính công*): Hàng năm, 02 huyện ban hành các kế hoạch về công tác an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật. Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; số vụ phạm tội về trật tự xã hội giảm ít nhất 5% so với năm trước; tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm so với năm trước; lực lượng vũ trang huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự tại địa phương. Xây dựng hương ước, quy ước áp gắn với các quy định cụ thể về an ninh, trật tự xã hội; nhân rộng các mô hình cộng đồng tự quản về an ninh, trật tự xã hội có hiệu quả; phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể và người có uy tín trong cộng đồng; không để xảy ra điểm nóng về an ninh, trật tự; đẩy lùi hoạt động các loại tội phạm, tệ nạn xã hội để thực sự tạo nông thôn mới bình yên trên địa bàn huyện. Nâng cấp và hoàn thiện hệ thống dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn huyện mình nhằm đáp ứng yêu cầu của người dân đảm bảo đạt mức độ 4 theo quy định.

4. Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững

Thực hiện đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng toàn diện gắn với phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ, tạo việc làm, tăng thu nhập. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quy hoạch, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, đưa vào sản xuất các loại cây trồng có chất lượng, giá trị kinh tế cao, nhằm để nâng cao giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích canh tác. Hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng các vùng sản xuất tập trung; hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của các huyện như: Lúa, cây ăn trái, dưa súp,...trong đó chú trọng phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao. Duy trì vùng sản xuất các sản phẩm an toàn đạt tiêu chuẩn VietGap. Khuyến khích, tạo điều kiện phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng gia trại, trang trại tập trung gắn với bảo vệ môi trường. Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các hợp tác xã; xây dựng và nhân rộng mô hình

hợp tác xã tiên tiến, hợp tác xã kiểu mới hoạt động có hiệu quả để hợp tác xã thật sự là cầu nối giữa người dân với doanh nghiệp; thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, liên kết bao tiêu, tiêu thụ sản phẩm. Triển khai thực hiện tốt Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu tập thể cho các sản phẩm chủ lực, đặc trưng của huyện.

IV. NHU CẦU KINH PHÍ

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Kế hoạch xây dựng huyện Cầu Kè và huyện Tiểu Cần đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao là: **475 tỷ đồng**, trong đó:

1. Huyện Cầu Kè: 235 tỷ đồng, trong đó:

a) Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn bổ sung giai đoạn 2021 - 2025: 150 tỷ đồng, cụ thể: Năm 2023: 35 tỷ đồng, giai đoạn 2024 - 2025: 115 tỷ đồng.

b) Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2026 - 2030: 85 tỷ đồng.

2. Huyện Tiểu Cần: 240 tỷ đồng.

Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn bổ sung giai đoạn 2021 - 2025: 240 tỷ đồng, cụ thể: Năm 2023: 30 tỷ đồng, năm 2024: 120 tỷ đồng, năm 2025: 90 tỷ đồng.

(Đính kèm phụ lục chi tiết)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Phối hợp với các sở, ngành tỉnh có liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè và huyện Tiểu Cần tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch này

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các sở, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân 02 huyện, tổng hợp nhu cầu vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh bổ sung để thực hiện hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao theo Kế hoạch.

c) Xây dựng các dự án ưu tiên về sản phẩm OCOP; các mô hình thí điểm sinh thái nông nghiệp bền vững gắn với phát triển du lịch ở các vùng có điều kiện; mô hình chuyên đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để thích ứng biến đổi khí hậu.

d) Hỗ trợ, tư vấn việc xây dựng các nhà máy chế biến các sản phẩm chủ lực của tỉnh; vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với quản lý mã vùng trồng.

đ) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh định kỳ, đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Kế hoạch này trên địa bàn 02 huyện.

2. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh

Tổ chức kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 02 huyện; thường xuyên nắm bắt những khó khăn, vướng mắc của các địa phương trong quá trình triển khai, kịp thời tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh những giải pháp để chỉ đạo, hỗ trợ các địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối, ưu tiên bổ sung nguồn vốn ngân sách Trung ương (*vốn đầu tư phát triển*) cho 02 huyện thực hiện Chương trình phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công và khả năng cân đối của Ngân sách nhà nước.

4. Sở Giao thông vận tải

a) Phối hợp với các sở, ngành liên quan và 02 huyện rà soát, bổ sung quy hoạch giao thông nông thôn theo hướng hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trước mắt cũng như lâu dài theo quy định; phối hợp với 02 huyện xây dựng kế hoạch cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn, trong đó chú trọng lồng ghép các nguồn vốn vào xây dựng hoàn thiện hệ thống giao thông nông thôn theo quy định.

b) Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn phù hợp với thực trạng và điều kiện nguồn vốn theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới; hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện nâng cấp, sửa chữa, xây dựng mới; quản lý, duy tu, bảo dưỡng, lắp đặt hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn trên các tuyến đường phù hợp.

c) Đề xuất đầu tư cải tạo, nâng cấp các tuyến đường quan trọng trên địa bàn 02 huyện, nhằm từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông huyện theo quy hoạch được phê duyệt.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Ưu tiên bố trí nguồn vốn để 02 huyện triển khai các dự án trong lĩnh vực phát triển văn hóa, du lịch, thể thao thuộc thẩm quyền từ nguồn vốn ngành hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án do Sở chủ trì.

b) Hướng dẫn xây dựng và hỗ trợ triển khai thực hiện một số mô hình du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể, danh lam thắng cảnh, làm cơ sở để đánh giá, nhân rộng.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Ưu tiên bố trí nguồn vốn để 02 huyện triển khai các dự án trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo thuộc thẩm quyền từ nguồn vốn ngành hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án do Sở chủ trì.

b) Thực hiện đồng bộ các biện pháp nhằm giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Chú trọng phát hiện, hỗ trợ triển khai thực hiện những mô hình đạt hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong các cơ sở giáo dục,

góp phần giữ vững tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao tại địa phương.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Ưu tiên bố trí nguồn vốn để 02 huyện triển khai các dự án trong lĩnh vực phát triển công nghệ thông tin, viễn thông thuộc thẩm quyền từ nguồn vốn ngành hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án do Sở chủ trì.

8. Sở Y tế

Ưu tiên bố trí nguồn vốn để 02 huyện triển khai các dự án trong lĩnh vực phát triển hạ tầng y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng thuộc thẩm quyền từ nguồn vốn ngành hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án Sở chủ trì.

9. Sở Nội vụ

Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp, chính sách nhằm khuyến khích, thu hút cán bộ, công chức đủ tiêu chuẩn về công tác ở các xã, đặc biệt là vùng dân tộc thiểu số.

10. Sở Tư pháp

a) Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh rà soát, đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ các vướng mắc khó khăn về cơ chế, chính sách, pháp luật có liên quan, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tham gia xây dựng nông thôn mới.

b) Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm kịp thời hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và hỗ trợ địa phương trong công tác hòa giải ở cơ sở và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

11. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; trong đó, thực hiện đồng bộ, lồng ghép nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

b) Hỗ trợ 02 huyện triển khai các dự án thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp đối tượng hỗ trợ và nội dung thực hiện với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

12. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tăng cường kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn 02 huyện; thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và công khai thông tin về tình hình vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường.

b) Hướng dẫn phân loại, thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn 02 huyện.

13. Sở Công Thương

a) Lồng ghép hỗ trợ thực hiện các nội dung chương trình liên quan từ nguồn vốn khuyến công, xúc tiến thương mại.

b) Sở Công Thương chỉ đạo ngành điện ưu tiên bố trí nguồn vốn hoàn thiện hạ tầng điện nông thôn theo quy hoạch phát triển của ngành điện nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho phát triển kinh tế - xã hội của 02 huyện.

14. Công an tỉnh

a) Tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn và nâng cao năng lực cho lực lượng công an các cấp.

b) Nghiên cứu nhân rộng và nâng cao hiệu quả các mô hình đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn nông thôn của tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn 02 huyện.

15. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

a) Chỉ đạo lực lượng quân sự tích cực tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh; tham mưu giúp cấp uỷ, chính quyền địa phương các cấp lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương.

b) Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với công an và các lực lượng giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn 02 huyện.

c) Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên đủ số lượng, chất lượng cao, hàng năm huy động huấn luyện và thực hiện nhiệm vụ đúng quy định, bảo đảm quân số.

d) Tích cực, chủ động ủng hộ cơ sở vật chất và ngày công lao động giúp đỡ các địa phương, cơ sở còn khó khăn để phát triển hạ tầng (*giao thông, nhà ở, phát triển kinh tế, ...*).

16. Ban Dân tộc tỉnh

Tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh; trong đó, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân 02 huyện lồng ghép thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp đối tượng hỗ trợ và nội dung thực hiện với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

17. Đề nghị Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Chủ động phối hợp với các tổ chức thành viên trên địa bàn 02 huyện đẩy mạnh công tác tuyên truyền xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao; thực hiện có hiệu quả các phong trào, cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*", giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao, đồng thời giám sát việc tiếp thu, giải trình, khắc phục những hạn chế trong xây dựng huyện nông thôn mới mà người dân trên địa bàn huyện không đồng tình, không hài lòng.

18. Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè và huyện Tiểu Cần

a) Trên cơ sở Kế hoạch này, Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè và huyện Tiểu Cần xây dựng Kế hoạch xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao: Trong đó cần xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp chủ yếu để thực hiện; xác định nhu cầu, khả năng huy động nguồn vốn, cụ thể: Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, vốn tín dụng, vốn huy động của doanh nghiệp, vốn của cộng đồng dân cư, hỗ trợ của các tổ chức và cá nhân, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch theo thẩm quyền.

b) Phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị liên quan rà soát, lập và triển khai quy hoạch xây dựng vùng huyện và chỉ đạo bổ sung hoàn chỉnh quy hoạch xã phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện gắn với đô thị hóa; chỉ đạo rà soát và điều phối kế hoạch xây dựng nông thôn mới các xã trên địa bàn để phù hợp với Kế hoạch xây dựng nông thôn mới của huyện.

c) Chỉ đạo rà soát và điều phối kế hoạch xây dựng nông thôn mới cấp huyện, cấp xã trên địa bàn để phù hợp với kế hoạch xây dựng nông thôn mới chung của tỉnh.

d) Chủ động cân đối bố trí đủ nguồn vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định, cũng như có giải pháp huy động hiệu quả các nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách để đầu tư xây dựng nông thôn mới; ưu tiên hỗ trợ triển khai Chương trình OCOP, hỗ trợ áp dụng công nghệ chế biến vừa và nhỏ trong nông nghiệp, môi trường và nước sạch nông thôn.

đ) Căn cứ vào điều kiện thực tế, khuyến khích các xã có kinh tế phát triển hỗ trợ cho các xã khó khăn đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

e) Tăng cường vận động, khuyến khích người dân tham gia, đóng góp xây dựng nông thôn mới theo hình thức tự nguyện, không huy động quá sức dân và để phát sinh nợ đọng trong xây dựng cơ bản của Chương trình.

g) Tổ chức triển khai, giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện định kỳ, đột xuất theo quy định./.

Phụ lục
NHU CẦU KINH PHÍ XÂY DỰNG HUYỆN CẦU KÈ VÀ HUYỆN TIÊU CÀN ĐẠT CHUẨN HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

(Kèm theo Quyết định số: **1145** QĐ-UBND ngày **31** tháng **7** năm 2023
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)



Stt	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Tổng cộng	Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn bổ sung giai đoạn 2021 - 2025	Nhu cầu vốn giai đoạn 2023-2025				Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú	
									Phân kỳ đầu tư						
									Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Giai đoạn 2024 - 2025			
TỔNG SỐ								475.000	390.000	65.000	120.000	90.000	115.000	85.000	
1	HUYỆN CẦU KÈ						235.000	150.000	35.000	-	-	115.000	85.000		
1	Tiêu chí số 02 về Giao thông						73.660	73.660	17.500	-	-	56.160	-		
1	Đầu tư cây xanh trên địa bàn huyện	Huyện Cầu Kè		Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Cầu Kè		2023 - 2025	10.000	10.000	2.500			7.500			
2	Đầu tư đèn chiếu sáng trên địa bàn huyện	Huyện Cầu Kè		Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Cầu Kè		2023 - 2025	14.000	14.000	2.500			11.500			
3	Chỉnh trang, sửa chữa bến xe huyện Cầu Kè	Khóm 5, thị trấn Cầu Kè		Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Cầu Kè		2023 - 2025	1.800	1.800	500			1.300			
4	Đường đal liên ấp Ngọc Hồ - Giồng Nổi (Điểm đầu từ nhà út Ba điểm cuối đất ông Nguyễn Văn Vĩnh)	Ấp Ngọc Hồ, Giồng Nổi, xã Tam Ngãi	Đal 3mx1.460m	BQLDABTXD huyện Cầu Kè		2023 - 2025	5.500	5.500	1.500			4.000			
5	Đường nhựa ấp Xóm Lớn, xã Châu Điện	Ấp Xóm Lớn, xã Châu Điện	Nhựa 3,5mx1.468m	BQLDABTXD huyện Cầu Kè		2023 - 2025	5.500	5.500	1.500			4.000			

6	Đầu tư nâng cấp sửa chữa đường GTNT liên ấp Rạch Dúi, Vàm Đính, Bà Báy, xã Ninh Thới	Ấp Rạch Dúi, Vàm Đính, Bà Báy, xã Ninh Thới	Đal 3m x 2.766m	BQLDADTXD huyện Cầu Kè		2023 - 2025	6.700	6.700	2.000			4.700		
7	Đường liên xã Thông Hòa - Châu Diên (bờ Nam tổng tồn - HL8 ấp Châu Hưng, xã Châu Diên)	Ấp Trà Ôt, xã Thông Hòa	Nhựa 3,5m x 2.410m	BQLDADTXD huyện Cầu Kè		2023 - 2025	10.900	10.900	2.000			8.900		
8	Đường nhựa Kênh T1, ấp 1, xã Thạnh Phú	Ấp 1, xã Thạnh Phú	Nhựa 3,5m x 1.950m	BQLDADTXD huyện Cầu Kè		2023 - 2025	6.860	6.860	2.000			4.860		
9	Đường nhựa ven sông Bông Bót (Rạch Ông Râu đến Phà Bến Cát)	Ấp An Hòa - Hòa An, xã An Phú Tân	Nhựa 3,5m x 2.760m	BQLDADTXD huyện Cầu Kè		2024 - 2025	12.400	12.400	3.000			9.400		
2	Tiêu chí số 05 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục						58.340	58.340	16.500	-	-	41.840	-	
1	Trường THCS Tam Ngãi, xã Tam Ngãi	Xã Tam Ngãi	Xây dựng khối 10 phòng học (1 trệt, 1 lầu trên nền 5 phòng học cũ đã xuống cấp) + 100 bộ bàn ghế	BQLDADTXD huyện Cầu Kè		2023 - 2025	4.200	4.200	1.000			3.200		
2	Trường THCS Châu Diên, xã Châu Diên	Xã Châu Diên	Xây dựng mới 6 phòng (5 phòng chức năng, 1 phòng bộ môn); Đầu tư trang thiết bị 10 phòng (5 phòng chức năng và 5 phòng bộ môn)	BQLDADTXD huyện Cầu Kè		2023-2025	6.340	6.340	1.500			4.840		
3	Trường THCS Ninh Thới, xã Ninh Thới	Xã Ninh Thới	Đầu tư xây dựng 1 phòng học, 4 phòng chức năng	BQLDADTXD huyện Cầu Kè		2023 - 2025	4.200	4.200	1.500			2.700		
4	Trường THCS Thông Hòa, xã Thông Hòa	Xã Thông Hòa	Xây dựng mới 04 phòng học + 100 bộ bàn ghế	BQLDADTXD huyện Cầu Kè		2023 - 2025	4.000	4.000	1.500			2.500		

5	Trường tiểu học Thạnh Phú, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	Xây dựng 02 phòng bộ môn (01 phòng ngoại ngữ, 01 phòng mỹ thuật), 02 phòng chức năng (01 phòng đa năng + 01 phòng hội đồng)	BQLDAĐTXD huyện Cầu Kè		2023-2025	4.350	4.350	1.550			2.800		
6	Trường Tiểu học An Phú Tân A, xã An Phú Tân	Ấp Dinh An, xã An Phú Tân	Xây dựng 12 phòng học (trên nền 6 phòng học cũ); lát gạch sân đường, vỉa hè; sửa chữa hàng rào và 120 bộ bàn ghế học sinh	BQLDAĐTXD huyện Cầu Kè		2023 - 2025	11.650	11.650	3.000			8.650		
7	Xây dựng Trường Tiểu học An Phú Tân B (điểm lẻ An Hòa)	Ấp An Hòa, xã An Phú Tân	Xây dựng 6 phòng học; 1 phòng dạy tin học; 4 phòng chức năng; trang thiết bị; Hàng rào + cổng; Nhà vệ sinh; Bồi thường GPMB	BQLDAĐTXD huyện Cầu Kè		2023 - 2025	10.000	10.000	2.000			8.000		
8	Xây dựng trường Tiểu học thị trấn Cầu Kè đạt chuẩn quốc gia	Thị trấn Cầu Kè	Xây dựng mới 12 phòng (1 trệt, 2 lầu), trong đó: 02 phòng bộ môn và thiết bị bên trong (phòng Khoa học - công nghệ; phòng Ngoại ngữ); 10 phòng chức năng và trang thiết bị bên trong (phòng Hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, Văn phòng, phòng đa chức năng, phòng thư viện, phòng thiết bị, phòng họp, phòng y tế, phòng giáo viên, phòng tư vấn học đường)	BQLDAĐTXD huyện Cầu Kè		2023 - 2025	9.650	9.650	2.000			7.650		

9	Trường THCS Hòa Tân. Hạng mục: sân đường, hệ thống thoát nước, nhà xe	xã Hòa Tân	Sân đường 1.365m2; hệ thống thoát nước 106m, nhà xe 108m2	BQLDADTXD huyện Cầu Kè		2023 - 2025	950	950	950						
10	Khu vui chơi, giải trí dành cho người già, trẻ em xã Phong Phú	Áp Kinh Xáng, xã Phong Phú	Hạng mục: sân đường, bồn hoa, cây xanh, hệ thống thoát nước, Dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời	BQLDADTXD huyện Cầu Kè		2023 - 2025	3.000	3.000	1.500			1.500			
3	Tiêu chí số 7 về Môi trường						103.000	18.000	1.000	-	-	17.000	85.000		
1	Nhà máy xử lý nước thải huyện Cầu Kè	Xã Hòa Tân	200m3/ngày đêm	BQLDADTXD huyện Cầu Kè		2023 - 2027	100.000	15.000	500			14.500	85.000		
2	Nâng cấp, mở rộng bãi rác huyện Cầu Kè	Áp Bà My, xã Tam Ngãi	Nâng cấp, mở rộng hệ thống xử lý nước rỉ rác, nước mưa chảy tràn, lập giấy phép môi trường, hệ thống thu gom nước thải, thực vật thủy sinh	BQLDADTXD huyện Cầu Kè		2023 - 2025	3.000	3.000	500			2.500			
II	HUYỆN TIỂU CẦN							240.000	240.000	30.000	120.000	90.000	-	-	
A	Xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao							158.600	158.600	13.600	55.000	90.000	-	-	
1	Tiêu chí số 02 về giao thông							7.900	7.900	900	7.000	-	-	-	
1	Cải tạo, nâng cấp Bến xe khách của huyện	Xã Phú Cần	0,4 ha	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tiểu Cần	cấp IV	2023 - 2024	900	900	900						
2	Hệ thống chiếu sáng QL54 (đoạn từ ấp Chợ, xã Tân Hùng đến giáp huyện Trà Cú)	Xã Tân Hùng, Hùng Hòa	Theo thiết kế	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tiểu Cần	cấp IV	2024 - 2025	7.000	7.000		7.000					
2	Tiêu chí số 05 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục							19.000	19.000	10.000	9.000	-	-	-	

1	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện. Hạng mục: Bố trí hệ thống chỗ ngồi 350 chỗ và hệ thống chiếu sáng	Thị trấn Tiểu Cần	Bố trí hệ thống chỗ ngồi 350 chỗ và hệ thống chiếu sáng	BQLDABTXD huyện Tiểu Cần	cấp IV	2023 - 2024	2.800	2.800	2.800					
2	Xây dựng hồ bơi huyện Tiểu Cần	Thị trấn Tiểu Cần	Theo thiết kế	BQLDADTXD huyện Tiểu Cần	cấp IV	2023 - 2024	9.000	9.000	4.000	5.000				
3	Sân vận động huyện Tiểu Cần	Xã Phú Cần	Theo thiết kế	BQLDABTXD huyện Tiểu Cần	cấp IV	2023 - 2024	7.200	7.200	3.200	4.000				
3	Tiêu chí số 07 về môi trường						131.700	131.700	2.700	39.000	90.000	-	-	
1	Xây dựng hệ thống quy trình đóng cửa bãi rác của huyện	Xã Phú Cần, TT Cầu Quan	Theo thiết kế	BQLDABTXD huyện Tiểu Cần	cấp IV	2023 - 2024	6.200	6.200	2.200	4.000				
2	Xây dựng nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung	Thị trấn Tiểu Cần	4.000m3 ngày/dêm	BQLDABTXD huyện Tiểu Cần	cấp III	2024 - 2026	125.500	125.500	500	35.000	90.000			Dự án hoàn thành sau năm 2025
B	Xây dựng và nâng chất xã nông thôn mới nâng cao; xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu						81.400	81.400	16.400	65.000	-	-	-	
1	Tiêu chí số 02 về giao thông						47.400	47.400	5.700	41.700	-	-	-	
1	Xây dựng mới và sửa chữa các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã Long Thới, huyện Tiểu Cần	Xã Long Thới	Nâng cấp và xây dựng hệ thống thoát nước 02 bên tuyến đường Giồng Giỡn, ấp Định Phú A, xã Long Thới; Đường GTNT ấp Định Phú Tân (từ Cầu 02 Đát đến xã Phong Thạnh), xã Long Thới; Sửa chữa đường đal cấp chợ xã Long Thới	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tiểu Cần	cấp IV	2023 - 2024	9.700	9.700	5.700	4000				

2	Xây dựng mới và sửa chữa các tuyến đường giao thông trên địa bàn các xã Tập Ngãi, Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần	Xã Tập Ngãi, Ngãi Hùng	Đường GTNT ấp Cây Ói, xã Tập Ngãi, huyện Tiểu Cần; Đường GTNT ấp Ngãi Phú, xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần; Sửa chữa đường giao thông ấp Chánh Hội B, xã Ngãi Hùng nối liền xã Phước Hưng, huyện Trà Cú	BQLDABTXD huyện Tiểu Cần	cấp IV	2024 - 2025	12.100	12.100	12.100				
3	Xây dựng mới và sửa chữa các tuyến đường, cầu giao thông trên địa bàn các xã Tân Hùng, Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần	Xã Tân Hùng, Hùng Hòa	Đường GTNT ấp Te Te 2, xã Tân Hùng (từ cầu số 2 đến nhà ông Nguyễn Văn Bạc; Đường GTNT ấp Te Te 2, xã Tân Hùng (từ cầu số 3 đến ấp Ông Rùm, xã Hùng Hòa; Xây dựng mới cầu GTNT trên tuyến lộ ấp Phụng Sa - Te Te 1, xã Tân Hùng; Đường giao thông ấp Từ Ổ, xã Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tiểu Cần	cấp IV	2024 - 2025	14.100	14.100	14.100				
4	Xây dựng mới và sửa chữa các tuyến đường giao thông trên địa bàn các xã Hiếu Trung, Phú Cần, huyện Tiểu Cần	Xã Hiếu Trung, Phú Cần	Đường dài ấp Tân Trung Giồng B, xã Hiếu Trung (từ nhà ông Sa Rạn đến nhà ông Đậu); Đường GTNT liên ấp Phú Thọ II - Phú Thọ I, xã Hiếu Trung; Đường trục chính nội đồng ấp Cầu Tre, xã Phú Cần (QL 60 - Kênh T14)	BQLDABTXD huyện Tiểu Cần	cấp IV	2024 - 2025	11.500	11.500	11.500				
2	Tiêu chí số 06 về Văn hóa						19.500	19.500	10.700	8.800	-	-	-
1	Xây dựng, cải tạo sửa chữa nhà văn hóa xã, nhà văn hóa ấp; mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa xã, nhà văn hóa ấp và dụng cụ thể thao ngoài trời của các xã Tập Ngãi, Ngãi Hùng, Phú Cần, huyện Tiểu Cần	Huyện Tiểu Cần	Cải tạo nhà văn hóa xã và xây mới nhà văn hóa ấp Ngãi Tư, ấp Ngãi Thuận; mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa và dụng cụ thể thao ngoài trời; Cải tạo nhà văn hóa xã và ấp Cây Ói 500m2, ấp Ngãi Trung 500m2 và mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa ấp; mua sắm dụng cụ thể thao ngoài trời; Sửa chữa các nhà văn hóa và các công văn hóa, mua sắm dụng cụ thể thao ngoài trời	BQLDABTXD huyện Tiểu Cần	cấp IV	2023 - 2024	10.700	10.700	10.700				

2	Xây mới, cải tạo sửa chữa, mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa các ấp của các xã trên địa bàn huyện Tiểu Cần	Xã Ngải Hùng	Xây dựng mới và mua sắm trang thiết bị 08 nhà văn hóa ấp Ngô Văn Kiệt, xã Tập Ngãi; ấp Ngãi Phú, xã Ngãi Hùng; ấp Tân Trung Giồng B, xã Hiếu Trung; ấp Ô Trao, xã Hiếu Tử; ấp Sáu, ấp Chợ, xã Tân Hùng; ấp Ô Rùm, xã Hùng Hòa; sửa chữa và mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa ấp Phú Tân, xã Long Thới	BQLDADTXD huyện Tiểu Cần	cấp IV	2024 - 2025	8.800	8.800		8.800				
3	Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn						14.500	14.500	-	14.500	-	-	-	
	Xây dựng Chợ xã Phú Cần	Xã Phú Cần	Theo thiết kế	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tiểu Cần	cấp IV	2024 - 2025	14.500	14.500		14.500				